TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Võ Ngọc Các**

2. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng: Bà **Đồ Ngọc Tuyền**

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Sơn Thị H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Lý S**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Sơn Thị H trình bày:

Vào ngày 08 tháng 01 năm 1997, chị Sơn Thị H và anh Lý S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống, chị H và anh S rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nên hôn

nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2009, chị H và anh S đã ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh S có 02 người con chung tên Lý Văn H1 (nam, sinh ngày 14/4/1998) và Lý Thị Mỹ T (nữ, sinh ngày 20/6/2001), hiện nay đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với Lý Văn H1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lý S là bị đơn có nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng như xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đồng thời đã tiến hành thông báo cho những người tham gia tố tụng, Viện kiểm sát biết nội dung đơn khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định như yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự và xét xử công khai, đúng thời gian, địa điểm; Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ *Về tố tụng*: Anh Lý S là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

2/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 08/01/1997. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Từ năm 2009, chị H và anh S đã ly thân cho đến nay. Thấy, từ những mâu thuẫn trên thể hiện tình

trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị cũng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

3/ *Về con chung*: Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Thị Mỹ T (nữ, sinh ngày 20/6/2001) đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Thấy, yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Căn cứ các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

4/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Sơn Thị H ly hôn anh Lý S;

2. *Về con chung*: Giao cháu Lý Thị Mỹ T (nữ, sinh ngày 20/6/2001) cho chị Sơn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Anh Lý S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Thị Mỹ T;

Anh Lý S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thị Mỹ T không ai được quyền cản trở;

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Sơn Thị H phải nộp là 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000107 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm;

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng